TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2024/DS-PT
Ngày: 27-02-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Kim L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Kim P, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số F hẻm F L, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư thuộc Văn phòng L1.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Cao Thị Kim L trình bày:

Bà có cho bà Nguyễn Thị Thúy Q vay tiền các lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 04/8/2022 (nhằm 07/8/2022 âm lịch) bà có cho bà Q vay số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay 5 đến 10 ngày trả, lãi suất vay thỏa thuận lúc đầu là 2%/tháng, sau đó thỏa thuận lãi ngày là 400.000 đồng/100.000.000 đồng/01 ngày, khi giao nhận tiền bà Q có viết giấy nợ ngày 07/8/2022 âm lịch cho bà. Từ ngày bà Q nhận tiền đến nay không có trả vốn và lãi cho bà.

Lần 2: Ngày 06/8/2022 (nhằm 09/8/2022 âm lịch) bà có cho bà Q vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 5 đến 10 ngày trả, lãi suất vay thỏa thuận lúc đầu là 2%/tháng, sau đó thỏa thuận lãi ngày là 400.000 đồng/100.000.000 đồng/01 ngày, khi giao nhận tiền bà Q có viết giấy nợ ngày 09/8/2022 âm lịch cho bà. Từ ngày bà Q nhận tiền đến nay không có trả vốn và lãi cho bà.

Lần 3: Ngày 10/8/2022 (nhằm 13/8/2022 âm lịch) bà có cho bà Q vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 5 đến 10 ngày trả, lãi suất vay thỏa thuận lúc đầu là 2%/tháng, sau đó thỏa thuận lãi ngày là 400.000 đồng/100.000.000 đồng/01 ngày, khi giao nhận tiền bà Q có viết giấy nợ ngày 13/8/2022 âm lịch cho bà. Từ ngày bà Q nhận tiền đến nay không có trả vốn và lãi cho bà.

Lần 4: Ngày 15/8/2022 (nhằm 18/8/2022 âm lịch) bà có cho bà Q vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 5 đến 10 ngày trả, lãi suất vay thỏa thuận lúc đầu là 2%/tháng, sau đó thỏa thuận lãi ngày là 400.000 đồng/100.000.000 đồng/01 ngày, khi giao nhận tiền bà Q có viết giấy nợ ngày 18/8/2022 âm lịch cho bà. Từ ngày bà Q nhận tiền đến nay không có trả vốn và lãi cho bà.

Lần 5: Ngày 12/12/2022 (nhằm 09/12/2022 âm lịch) bà có cho bà Q vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 5 đến 10 ngày trả, lãi suất vay thỏa thuận lúc đầu là 2%/tháng, sau đó thỏa thuận lãi ngày là 400.000 đồng/100.000.000 đồng/01 ngày, khi giao nhận tiền bà Q có viết giấy nợ ngày 09/12/2022 âm lịch cho bà. Từ ngày bà Q nhận tiền đến nay không có trả vốn và lãi cho bà.

Tổng cộng số tiền vay 05 lần là 660.000.000 đồng; Từ ngày bà Q nhận tiền đến nay bà Q không có trả vốn và lãi cho bà. Vào ngày 07/01/2023 bà Q có viết biên nhận nợ tiền lãi của 05 lần vay là 97.000.000 đồng và hứa ngày 19/12/2022 âm lịch sẽ trả cho bà nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Bà xác định các lần vay tiền bà có giao tiền đầy đủ cho bà Q nên bà Q đồng ý viết biên nhận nợ cho bà, việc người đại diện theo ủy quyền của bà Q trình bày bà Q viết giấy mượn tiền nhưng thực tế không có nhận tiền của bà là không có cơ sơ. Bà khẳng định bà Q hiện nay còn nợ bà số tiền vốn vay là 660.000.000 đồng, số nợ này tại bản tự khai ngày 05/7/2023 bà Q đã thừa nhận nên bà không cần phải chứng minh.

Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy Q giao trả cho bà số tiền 660.000.000 đồng, đồng thời bà yêu cầu bà Q phải giao trả cho bà số tiền lãi là 97.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thúy Q tự nguyện rút yêu cầu phản tố thì bà đồng ý.

Trong quá trình tố tụng ông Trần Kim P là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thúy Q trình bày:

Bà Thúy Q thừa nhận có viết và ký tên 05 biên nhận mượn tiền cho bà L như bà L trình bày, tuy nhiên sau khi viết biên nhận xong thì bà L đi gom tiền không đủ nên không có giao cho bà Q số tiền 660.000.000 đồng như 05 biên nhận nêu trên. Đối với biên nhận số tiền lãi 97.000.000 đồng là do bà Q viết và ký tên nhưng do số tiền nợ gốc bà Q không có nhận của bà L nên biên nhận tiền lãi này không phát sinh trên thực tế. Ông đề nghị bà L cung cấp 05 giấy giao nhận tiền giữa hai bên nếu có chứng cứ thì bà Q chấp nhận.

Do đó bà Q không đồng ý trả cho bà L số tiền vốn vay là 660.000.000 đồng và nợ lãi là 97.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thúy Q tự nguyện rút yêu cầu phản tố đối với bà Cao Thị Kim L.

Đối với các giao dịch vay mượn các lần khác thì bà Q không yêu cầu.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim L. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy Q có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị Kim L số tiền 757.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 660.000.000 đồng, nợ lãi là 97.000.000 đồng).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thúy Q.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q. Bà Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đồng thời xác định khoản tiền lãi yêu cầu bị đơn trả là tiền lãi tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời cho rằng nguyên đơn không cung cấp được biên nhận bị đơn có nhận tiền của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Cao Thị Kim L căn cứ vào 05 biên nhận tiền vay và 01 biên nhận tiền lãi để yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy Q trả tổng số tiền 757.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 660.000.000 đồng và tiền lãi là 97.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q thừa nhận có ký tên vào các biên nhận mà nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên bà Q cho rằng bà ký biên nhận nhưng chưa nhận tiền nên không đồng ý trả lại cho bà L.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy Q:

[2.1] Bà Q thừa nhận có ký tên vào các biên nhận vay tiền ngày 07/8/2022 âm lịch với số tiền 230.000.000 đồng, ngày 09/8/2022 âm lịch số tiền 100.000.000

đồng, 13/8/2022 âm lịch số tiền 200.000.000 đồng, 18/8/2022 âm lịch số tiền 80.000.000 đồng, 09/12/2022 âm lịch số tiền 50.000.000 đồng và biên nhận tiền lãi 97.000.000 đồng mà bà L cung cấp nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, có căn cứ xác định bà Q có vay của bà L tổng số tiền 660.000.000 đồng.

Việc bà Q, cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà Q cho rằng bà Q có ký tên vào 05 biên nhận tiền do bà L cung cấp nhưng chưa nhận tiền, mục đích ký tên vào các biên nhận là để làm tin cho bà L đi gom tiền để cho bà Q vay và sau đó bà L không gom tiền được, bà Q có yêu cầu bà L hủy các biên nhận trên nhưng bà L không thực hiện là không được phía bà L thừa nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận các lời trình bày này của phía bà Q.

Sau khi vay tiền, bà Q không thanh toán tiền lãi cho bà L nên bà L yêu cầu bà Q thanh toán tiền lãi trong thời gian chậm thanh toán tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (đồng ý yêu cầu với số tiền lãi 97.000.000 đồng) là không vượt quá số tiền lãi được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (mức lãi suất 20%/năm) là có cơ sở chấp nhận. Từ đó, cấp sơ thẩm buộc bà Q có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền gốc và lãi 757.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà Q có phản tố nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Q tự nguyện rút yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Q là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà Q là không có cơ sở để xem xét. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Q phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 217, 218, 219, 238, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy Q có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị Kim L số tiền 757.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy triệu đồng). Trong đó tiền vay gốc là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là 97.000.000 đồng (Chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thúy Q về việc yêu cầu bà Cao Thị Kim L trả số tiền 862.252.603 đồng (T1 trăm sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Q phải nộp là 34.280.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.934.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007683 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách. Bà Nguyễn Thị Thúy Q còn phải nộp tiếp số tiền 15.346.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Q phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000129 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn